TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 33/2022/HS-ST Ngày 25 - 02 - 2022	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm.**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

T.T.T; sinh ngày 27 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Thôn 9, xã H.K, thành phố B.M.T, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: nhà trọ số C4/36X Tổ 14, ẤP 3, xã V.L A, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.N.L và bà N.T.H; bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2021 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.M). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Em **M.T.D.M**, sinh năm 2004. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **T.T.T**, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 56/3A Tổ 4, ấp N.L, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà T.T.T, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: 56/3A Tổ 4, ấp NL, xã B.Đ, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **P.H.P**, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: D10/19 Ấp 4, xã V.L A, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên T.T.T nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người đi đường. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 06/6/2021, Trường điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 83P3 - 481.94, màu đen đến trước nhà địa chỉ: 38/3L ấp N.L, xã B.Đ, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện em N.T.D.M điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 95E1 - 328.33, màu xanh chở bà T.T.T, phía ngăn bên trái của xe có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh 128GB, T điều khiển xe nhanh chóng áp sát vào bên trái xe của M, dùng tay phải giật điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy thoát. M truy hô và đuổi theo một đoạn thì bị va chạm giao thông với người đi đường té ngã bị thương tích, M và bà T được người dân đưa đi cấp cứu.

Sau đó, T điều khiển xe đến tiệm cầm đồ H.P, địa chỉ: D10/19 Ấp 4, xã V.L A, huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh cầm cố điện thoại di động vừa cướp giật được cho ông P.H.P với giá 1.700.000 đồng và đã tiêu xài hết. Đến ngày 08/6/2021, qua truy xét, T bị Cơ quan điều tra Công an huyện H.Mn mời về làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, T.T.T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cơ quan điều tra Công an huyện H.M đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với N.T.D.M và T.T.T, tuy nhiên do thương tích đã ổn định, phía T đã bồi thường tiền thuốc men nên M, T từ chối giám định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 147/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H.M kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh 128GB trị giá 3.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 24/VKS-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo T.T.T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hố Chí Minh để xét xử về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân huyện H.M đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T.T.T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean dài màu đen, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 đôi giày màu đen cam có chữ "SOP".

Ghi nhận việc ông P.H.P không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bị hại yêu cầu T bồi thường thêm số tiền 25.000.000 đồng tuy nhiên do bị hại vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có yêu cầu bị hại sẽ yêu cầu trong một vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên tòa, bị cáo T.T.T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H.M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào lúc 8 giờ 00 phút sáng ngày 06/6/2021, bị cáo T.T.T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 83P3 - 481.94, màu đen thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh 128GB của bị hại em N.T.D.M tại trước nhà địa chỉ: 38/3L ấp N.L, xã B.Đ, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi sử dụng phương tiện xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Bản cáo trạng số: 24/VKS-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo T.T.T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

…

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;"

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; gia đình bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision, biển số: 83P3 - 481.94, màu đen, số khung: 5811GY427468, số máy: JF66E0757424, qua giám định số khung, số máy không thay đổi do bà T.T.B.N là vợ của bị cáo đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, bà N khai ngày 06/6/2021 bà N cho bị cáo mượn xe để đi uống cà phê. Bà N không biết bị cáo sử dụng xe gắn máy trên để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra Công an huyện H.M đã ra Quyết định trả lại xe cho bà N là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh 128GB, Cơ quan điều tra Công an huyện H.M đã ra Quyết định trả lại cho bị hại N.T.D.M là phù hợp.

- Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần jean dài màu đen, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 đôi giày màu đen cam có chữ "SOP" là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, do không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 USB DT101G2 8GB, màu đỏ, do có chứa video camera ghi lại hình ảnh bị cáo tẩu thoát sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã được nhận lại tài sản. Tại phiên tòa, bị hại N.T.D.M, người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T.T.T vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện em M và bà T đã được bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 55.000.000 đồng và có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền là 25.000.000 đồng, tuy nhiên em M và bà T vắng mặt tại phiên tòa do đó em M và bà T nếu có yêu cầu thêm về dân sự có thể yêu cầu bị cáo bồi thường bằng một vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông P.H.P vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Phúc không có yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **T.T.T** phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo T.T.T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/6/2021.

[2] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo T.T.T thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 (một) quần jean dài màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen; 01 (một) đôi giày màu đen cam có chữ "SOP".

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 01 năm 2022.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB DT101G2 8GB, màu đỏ.

[4] Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc bị cáo T.T.T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND xã Hòa Khánh,
thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hồng Hải